

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRỰC THUỘC CÁC BỘ VÀ CƠ QUAN NGANG BỘ

ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh¹
Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Tóm tắt:

Trong hệ thống tổ chức KH&CN quốc gia, các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc các bộ và cơ quan ngang bộ (sau đây gọi tắt là Bộ) là những đơn vị được giao thực hiện chức năng nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách phục vụ quản lý nhà nước của Bộ. Qua nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn của Việt Nam, tác giả đã đề xuất thực hiện đồng thời các giải pháp: (1) Tạo lập môi trường tự do, dân chủ cho nghiên cứu khoa học xã hội; (2) Cơ chế giao nhiệm vụ nghiên cứu về chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước đối với các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ; (3) Cơ chế chỉ đạo, phối hợp và hợp tác trong tổ chức hoạt động nghiên cứu đề xuất chính sách phục vụ quản lý; (4) Tự chủ về tổ chức và nhân lực đối với các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ, nhằm góp phần hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ thời gian tới.

Từ khóa: Think Tank; Tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách; Quản lý Nhà nước.

Mã số: 14122401

I. TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, TƯ VẤN CHÍNH SÁCH TRÊN THẾ GIỚI

1. Khái niệm Think Tank

Viện chính sách hay tổ chức nghiên cứu chính sách² (tiếng Anh: *Think Tank*, tiếng Hán-Việt: *Tăng duy*) là khái niệm dùng để chỉ một tổ chức hoặc nhóm các cá nhân hoạt động nghiên cứu đưa ra các tư vấn về chính sách, chiến lược trong các lĩnh vực, ban đầu là quân sự, sau đó mở rộng sang các lĩnh vực khác như chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật, môi trường,... Nhiều Think Tank là các tổ chức phi lợi nhuận, như ở Mỹ và

¹ Liên hệ với tác giả hanhnguyenminh74@gmail.com

² Để tiện theo dõi, trong bài viết này tác giả sẽ sử dụng từ tiếng Anh là Think Tank (viết hoa, số ít) như nguyên gốc của các tài liệu tham khảo.

Canada, một số các Think Tank khác được thành lập, tài trợ bởi Chính phủ hoặc các cá nhân.

Từ Think Tank được đề cập đến nhiều trên thế giới vào khoảng những năm 1950. Đến nay, vẫn còn sự tranh luận về Think Tank nào là đầu tiên trên thế giới. Sau chiến tranh thế giới lần thứ 2, số lượng Think Tank phát triển mạnh trên toàn thế giới, nhiều Think Tank mới được thành lập để đáp ứng nhu cầu tư vấn cho nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau của Chính phủ từ dân sự, kinh tế, thương mại đến an ninh, quốc phòng,... Theo các số liệu trong báo cáo công bố năm 2011, *Chương trình Xã hội Dân sự và Think tank* của Đại học Pennsylvania³, kết quả điều tra 182 quốc gia trên thế giới có tổng cộng 6.545 Think Tank, cụ thể quốc gia có nhiều Think Tank nhất hiện là Mỹ - 1.815, Trung Quốc - 425, Ấn Độ - 292, Anh - 286, Đức - 194, Pháp - 176, Argentina - 137, Nga - 112, Nhật Bản - 103.

2. Một số đặc điểm của Think Tank

2.1. Think Tank là tổ chức nghiên cứu, tư vấn chính sách

Think Tank không phải là tổ chức nghiên cứu hàn lâm (*academic*), mục tiêu hoạt động của mỗi Think Tank dù ở quy mô nào (doanh nghiệp, địa phương, quốc gia) cũng như thuộc hình thức sở hữu nào (tư nhân, nhà nước, hỗn hợp) cũng đều hướng tới việc làm sao để các kết quả nghiên cứu của mình được cơ quan hoạch định chính sách chấp thuận và được thể chế dưới dạng các văn kiện chính sách.

Để đáp ứng yêu cầu về chất lượng các tư vấn chính sách, mỗi Think Tank thường thu hút, tập hợp một số trí thức, chuyên gia nổi tiếng về một hoặc vài lĩnh vực có mối quan hệ gắn bó để tiên hành nghiên cứu, tư vấn cho một số tổ chức hay đối tượng khách hàng nào đó. Giá trị của Think Tank luôn được đánh giá dựa trên hiệu quả và chất lượng kết quả tư vấn chính sách mà họ đề xuất, tuy nhiên, điều này đôi khi chỉ có thực tiễn mới có câu trả lời.

2.2. Tính độc lập của các Think Tank

Theo hình thức sở hữu có thể phân loại là các Think Tank của Chính phủ và các Think Tank dân sự (hay tư nhân). Đối với các Think Tank của Chính phủ, do mối quan hệ phụ thuộc về tổ chức và hành chính đối với cơ quan cấp trên nên tính khách quan cũng như các đề xuất chính sách mang tính đột phá khó có thể thực hiện ở các Think Tank nhóm này. Trong khi đó các Think Tank dân sự do mối quan hệ độc lập với hệ thống cơ quan nhà nước nên các đề xuất chính sách thường đảm bảo tính khách quan, toàn diện. Một số quốc gia còn coi Think Tank dân sự là một thiết chế nằm giữa xã hội dân sự và bộ máy công quyền.

³ Nguồn: *The Global Go to Think Tanks Report* (Final Edition, 19.01.2012), The Think Tanks and Civil Societies Program, 2011, University of Pennsylvania, Philadelphia, PA USA 19104-6305.

Các Think Tank không trực tiếp dự thảo văn kiện chính sách, vai trò của Think Tank trong quá trình xây dựng chính sách là dựa trên những kết quả nghiên cứu được tiến hành nghiêm túc, khách quan trước đó để đưa ra các đánh giá, phản biện chính sách hiện hành đồng thời đề xuất các gợi ý chính sách được cho là có lợi cho sự phát triển đất nước mà Chính phủ nên làm. Những kết quả nghiên cứu này có thể trùng, nhưng cũng có thể hoàn toàn khác với ý đồ của người đặt hàng [16].

2.3. Tính chuyên môn hóa của các Think Tank

Hiện nay, thế giới có khoảng 6.545 Think Tank ở 182 quốc gia. Về tài chính, có những Think Tank được tài trợ ngân sách lên đến nhiều chục triệu USD, có nhóm chỉ vận hành theo tinh thần tình nguyện của các thành viên. Về phạm vi hoạt động, có Think Tank nghiên cứu những vấn đề vĩ mô ở phạm vi toàn cầu, có nhóm chỉ quan tâm đến các vấn đề quy mô khu vực, có nhóm chỉ giới hạn nghiên cứu những vấn đề của quốc gia mình, hoặc nhỏ hơn nữa là nghiên cứu phục vụ cho những mục tiêu phát triển của một doanh nghiệp, một trường đại học, hay một nhóm xã hội.

Thông thường các Think Tank được phân loại theo hình thức sở hữu hoặc lĩnh vực hoạt động. Phân loại các Think Tank theo hình thức sở hữu sẽ có loại Think Tank trực thuộc Chính phủ, có loại Think Tank tư nhân, có loại Think Tank nửa nhà nước nửa tư nhân. Ở mỗi loại, Think Tank lại có những điểm mạnh, điểm yếu, những thuận lợi, khó khăn riêng trong quá trình hoạt động nghiên cứu và tư vấn chính sách của mình.

Dù Think Tank thuộc hình thức sở hữu nào hay hoạt động trong lĩnh vực nào thì mục tiêu cuối cùng của họ cũng đều là các kết quả nghiên cứu được Chính phủ sử dụng trong khi hoạch định chính sách phát triển của quốc gia. Đúng với nghĩa là tổ chức nghiên cứu tư vấn chính sách, các Think Tank không trực tiếp soạn thảo văn kiện chính sách, công việc này được giao cho các cơ quan chuyên môn đảm nhiệm.

II. NHỮNG TỒN TẠI, BẤT CẬP TRONG MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRỰC THUỘC BỘ Ở VIỆT NAM

Cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ khóa XIII (2011-2015)³ hiện gồm 18 bộ và 4 cơ quan ngang bộ. Trong 22 bộ, cơ quan ngang bộ chỉ có Văn phòng Chính phủ là không có tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý Nhà nước trực thuộc.

³ Được thông qua tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XIII họp từ ngày 21/07/2011 đến ngày 06/08/2011.

Các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ là loại hình Think Tank thuộc Chính phủ hay Nhà nước (theo tiêu chí phân loại Think Tank của Trung Quốc và Mỹ), có nhiệm vụ tiến hành các nghiên cứu nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc ban hành các chính sách quản lý của Bộ. Như vậy tính khoa học, đúng đắn và khả thi của các văn bản chính sách do Bộ trực tiếp ban hành hay trình Chính phủ, Quốc hội ban hành sẽ phụ thuộc rất lớn vào năng lực nghiên cứu, tư vấn của các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách này. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong mô hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách thuộc Bộ vẫn còn tồn tại một số điểm bất cập như sau:

1. Về mô hình tổ chức

1.1. Còn có sự lúng túng từ phía Bộ chủ quản trong việc sử dụng các viện chiến lược, chính sách trực thuộc theo đúng chức năng

Các Bộ chủ quản, đôi khi đã sử dụng các đơn vị này như là cơ quan hoạch định chính sách thay vì là cơ quan nghiên cứu, tư vấn chính sách, bên cạnh đó, trên thực tế các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước như các Vụ, Cục trong một số năm gần đây cũng đã trực tiếp tham gia nghiên cứu và hoạch định chính sách quản lý ngành, điều này làm nảy sinh tình trạng “lấn sân” giữa viện với các đơn vị quản lý trong cùng Bộ.

Trong bối cảnh nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu xây dựng chính sách phục vụ quản lý ở các Bộ còn hạn chế (kinh phí chủ yếu là từ nguồn ngân sách Nhà nước, tỷ lệ tăng hàng năm không đáng kể), việc tồn tại đồng thời các tổ chức có chức năng nghiên cứu xây dựng chính sách sẽ làm phân tán nguồn lực, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và kết quả hoạt động này. Cũng do xuất phát từ cách thức, định hướng sử dụng các chuyên gia, viện nghiên cứu từ phía các nhà hoạch định chính sách, cụ thể là bản thân các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách thường chỉ dừng ở việc đòi hỏi các chuyên gia, các tổ chức khoa học nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm thể chế hóa và hiện thực hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Đây cũng là lý do giải thích vì sao các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách của Việt Nam có vị trí mờ nhạt trong quá trình hoạch định chính sách, nhất là những chính sách lớn của quốc gia (ví dụ vấn đề về mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước, mở rộng thành phố Hà Nội, thành phố ven Sông Hồng, dự án đường sắt cao tốc,...).

1.2. Ranh giới giữa hoạt động nghiên cứu, tư vấn và hoạch định chính sách chưa rõ, đôi khi còn có sự trùng lặp với các vụ chức năng, các đơn vị quản lý trong Bộ

Đối với nhiệm vụ nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học xây dựng chính sách quản lý của Bộ cũng không có quy định rõ ràng vai trò của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách được quyền thực hiện đến đâu? nghiên cứu và đề xuất chính sách hay trực tiếp tham gia soạn thảo dự thảo văn bản chính sách để trình các cấp có thẩm quyền ký ban hành. Cần lưu ý là hoạt động nghiên cứu, tư vấn chính sách và soạn thảo văn bản chính sách có sự khác biệt rất lớn về tính chất công việc, về chủ thể tiến hành, về phương thức cũng như quy trình thực hiện⁴. Việc các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách ở các Bộ đã và vẫn đang tiếp tục trực tiếp chủ trì soạn thảo các văn bản quản lý nhà nước (công việc đáng lẽ thuộc chức năng của các vụ quản lý trong mỗi Bộ) sẽ làm sao những việc thực hiện chức năng chính là nghiên cứu, cung cấp luận cứ, các bằng chứng khoa học cho các đề xuất chính sách phục vụ xây dựng chính sách quản lý của Bộ. Đây cũng là đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt hoạt động nghiên cứu ở các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách với hoạt động nghiên cứu được thực hiện ở các trường đại học, các viện nghiên cứu hàn lâm, các viện nghiên cứu về công nghệ.

2. Về mô hình hoạt động

Một số bất cập trong mô hình hoạt động của các viện chiến lược, chính sách phục vụ quản lý Nhà nước trực thuộc Bộ hiện là:

2.1. Hoạt động nghiên cứu nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc ban hành các chính sách quản lý của Bộ được thực hiện chưa tương xứng với vị trí, sứ mệnh mà tổ chức được giao phó

Là tổ chức sự nghiệp khoa học trực thuộc Bộ⁵ nên ngay cả các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách cũng đang thực hiện đồng thời khá nhiều nhiệm vụ bên cạnh nhiệm vụ chính là nghiên cứu chiến lược, cơ chế, chính sách phục vụ quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể nhiều viện còn thực hiện nhiệm vụ đào tạo sau đại học; đầu mối quản lý hoạt động KH&CN của Bộ; cung cấp các dịch vụ công theo quy định của pháp luật; phát triển quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hoạt động của ngành,... Với phổ chức năng đa dạng này, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động nghiên cứu và tư

⁴ Đối với công việc trực tiếp soạn thảo văn bản chính sách là sự thách thức đối với nhiều viện, vì hiện nay công tác xây dựng văn bản chính sách phải tuân thủ các quy định chặt chẽ về thời gian, quy trình và đối tượng tham gia, nhiều khi các viện không có lợi thế so với các vụ chức năng trong Bộ nếu được giao thực hiện nhiệm vụ này. Trong nghiên cứu của Đặng Kim Sơn (2005) cho rằng, vai trò trong quá trình xây dựng chính sách của các viện chiến lược, chính sách không rõ ràng, trực tiếp xây dựng văn bản chính sách hay chỉ tư vấn, phân biện dựa trên các kết quả nghiên cứu đã được tích lũy. Trong một nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Anh Thu (2000) cũng có nêu ý kiến đề xuất của Viện Nghiên cứu Thương mại về việc xác định lại vai trò của Viện trong quá trình hoạch định chính sách ngành, cụ thể với tư cách là cơ quan nghiên cứu, hoạt động của Viện chỉ dừng ở chỗ cung cấp các luận cứ khoa học cho việc xây dựng các cơ chế, chính sách quản lý của ngành thương mại, việc thể chế hóa các nội dung này thành các quy định cụ thể là nhiệm vụ của các vụ chức năng thuộc Bộ Thương mại.

⁵ Các tên gọi khác là: Đơn vị sự nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ, Tổ chức sự nghiệp nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ, Đơn vị sự nghiệp khoa học công lập phục vụ quản lý Nhà nước của Bộ.

vấn chính sách, đến tính chuyên nghiệp của các viện, đặc biệt trong điều kiện vấn đề về nhân lực và tài chính của các viện nghiên cứu vừa yếu, vừa thiếu như hiện nay⁶.

Bên cạnh đó, do chất lượng các nghiên cứu làm cơ sở cho hoạch định chính sách phục vụ quản lý Nhà nước còn hạn chế, yêu cầu cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng thể chế, chính sách quản lý của Bộ không phải lúc nào cũng được đảm bảo. Số đề tài nghiệm thu đạt kết quả tốt chưa nhiều, còn tình trạng nợ đọng các đề tài diễn ra khá phổ biến trong các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách. Qua trao đổi với một số viện chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ⁷, có thể thấy có 3 nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng các đề tài nghiên cứu ở các viện loại này: **Thứ nhất**, việc lựa chọn đề tài và xây dựng chương trình nghiên cứu dù đã có những thay đổi, cải tiến đáng kể nhưng vẫn mang tính tản mạn, ngắn hạn, thiếu tính hệ thống và không được xuyên suốt do thiếu một tầm nhìn đủ rộng về nhu cầu phát triển và quản lý ngành (kinh tế, xã hội, văn hóa, con người, khoa học, giáo dục,...); **Thứ hai**, phương pháp tiến hành nghiên cứu, quy trình, kỹ thuật nghiên cứu,... mà các viện hiện áp dụng còn khá lạc hậu làm cho các kết luận, đề xuất chính sách đưa ra thiếu tính thuyết phục hoặc tầm khái quát không cao; **Thứ ba**, kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học còn khiêm tốn, ảnh hưởng nhiều đến việc triển khai nghiên cứu cũng như chất lượng của các sản phẩm nghiên cứu, nhất là ở những đề tài ứng dụng thực tiễn đòi hỏi phải có nguồn kinh phí lớn dành cho các hoạt động điều tra, khảo sát,... Chính vì vậy, một số viện đã thừa nhận chưa hoàn thành sứ mệnh tham mưu cho các cấp lãnh đạo về những ý tưởng, mô hình, những giải pháp chính sách có tính cơ bản, lâu dài trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, các vấn đề lý luận về phát triển trong từng ngành thậm chí còn đi sau thực tiễn rất xa.

2.2. Thiếu các mối quan hệ chỉ đạo, phối hợp và hợp tác với các tổ chức khác nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn chính sách quản lý của ngành

Từ đặc điểm tổ chức các viện nghiên cứu, tư vấn chính sách trực thuộc Bộ đã làm xuất hiện mối quan hệ gắn kết khá đặc thù giữa một bên là cơ quan nghiên cứu, tư vấn chính sách và một bên là cơ quan quản lý, hoạch định chính sách. Có thể phân loại các mối quan hệ này thành 2 nhóm:

⁶ "Các Bộ ở Việt Nam chưa có các cơ quan hoạch định chính sách chuyên nghiệp, tập hợp những tài năng thực sự và được đãi ngộ xứng đáng, các nhà nghiên cứu ở các đơn vị này bị công chức hóa phải kiêm nhiệm nhiều việc một lúc và không được đãi ngộ để thoát khỏi nỗi lo cơm áo và khi họ viết chiến lược thì hầu như chỉ biết đến quyền lợi của Bộ mình", trích Báo cáo Đề án tiếp tục cải cách Chính phủ (CIEM, 2011).

⁷ Viện Chiến lược Phát triển, Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Viện Nghiên cứu Thương mại, Viện Nghiên cứu Chiến lược Ngoại giao và Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

- *Nhóm thứ nhất* là mối quan hệ với lãnh đạo Bộ, các vụ chức năng và các đơn vị khác trong cùng Bộ;
- *Nhóm thứ hai* là mối quan hệ hợp tác với các viện chiến lược, chính sách tương đương ở các Bộ, ngành khác; mối quan hệ hợp tác với các viện nghiên cứu hàn lâm, các trường đại học.

Trong đó, nhóm quan hệ thứ nhất giữ một vai trò đặc biệt quan trọng.

Quan hệ hợp tác của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách với các đơn vị trong Bộ cụ thể là với các cục, vụ, viện, trung tâm nghiên cứu và các trường đại học có một số điểm bất cập sau:

- Mỗi quan hệ hợp tác này không chặt chẽ, đôi khi phụ thuộc vào các mối quan hệ cá nhân và mang tính không ổn định⁸;
- Hình thức hợp tác: đa dạng không theo khuôn mẫu cố định, có thể là chính thức dưới hình thức hợp đồng chuyên gia cùng tham gia nghiên cứu trong các chương trình, dự án, đề tài,..., cũng có thể là bán chính thức như chỉ đơn thuần cung cấp, trao đổi thông tin, tri thức đã được tích lũy của mỗi bên⁹,...
- Thông tin phục vụ công tác nghiên cứu, đề xuất chính sách truyền tải tới các viện chiến lược, chính sách không đồng bộ và cập nhật.

Quan hệ hợp tác của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách với các cơ quan nghiên cứu khác trong nước (viện, trung tâm và trường đại học, các viện tương đương ở các bộ ngành khác) tồn tại một số bất cập sau:

- Ít có các mối quan hệ chính thức giữa đơn vị này với tư cách giữa tổ chức với tổ chức. Hoạt động hợp tác chịu nhiều ảnh hưởng của các mối quan hệ cá nhân, không bền vững, dễ thay đổi khi có sự thay đổi người đứng đầu của tổ chức;
- Hình thức hợp tác đa dạng, từ hợp đồng nghiên cứu, tham gia các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, trao đổi thông tin, chuyên gia, đến tham gia các hội thảo, các chương trình đào tạo đại học và sau đại học;
- Quan hệ hợp tác mang tính bị động, ngắn hạn (chủ yếu nhằm giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể trước mắt) và đôi khi còn mang tính hình thức (mời cộng tác viên, chuyên gia bên ngoài tham gia nghiên cứu cho đúng quy định);

⁸ "Do không có quyền lực về quản lý Nhà nước, nên các viện chiến lược, chính sách ít có các quyền đòi hỏi cung cấp các thông tin chính thức từ các cục/vụ phục vụ tham mưu quản lý ngành" (Ý kiến của đại diện Viện Chiến lược và Chính sách Công nghiệp qua trao đổi với nhóm nghiên cứu).

⁹ Bạch Tân Sinh. (2011) *Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách ở Việt Nam: Hiện trạng và vai trò trong hoạch định chính sách*. Báo cáo tham luận hội thảo khoa học Chương trình nghiên cứu hợp tác Việt Nam - Canada do Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN chủ trì.

- Hiệu quả hợp tác thấp, có sự đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan trong xây dựng các văn bản chiến lược, chính sách mang tính liên ngành. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng cũng như tiến độ xây dựng các văn bản quản lý vĩ mô mang tính liên ngành;
- Mức độ phân cấp về quyền hạn cho các viện chiến lược, chính sách chưa cao trong việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các đơn vị ngoài Bộ, trong nhiều trường hợp vẫn phải xin phép cơ quan quản lý cấp trên.

2.3. Về chất lượng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong các viện chiến lược, chính sách phục vụ quản lý Nhà nước trực thuộc Bộ

Chất lượng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu hiện nay là vấn đề đáng báo động trong các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ. Tình trạng chung là thiếu cán bộ nghiên cứu đầu đàn có kinh nghiệm, say mê và có khả năng tiến hành các nghiên cứu độc lập cũng như có bản lĩnh đề xuất chính sách đột phá với cơ quan quản lý. Trong khi đó, lớp cán bộ nghiên cứu trẻ thiếu niềm say mê với công việc nghiên cứu, một số chưa được trang bị những kỹ năng và phương pháp cần thiết mà một nhà nghiên cứu cần có. Nhiều viện nghiên cứu qua trao đổi đã khẳng định đây không phải là một vấn đề dễ khắc phục bởi đào tạo được một cán bộ có khả năng nghiên cứu và phân tích chính sách phải mất từ 3 đến 5 năm, vì đây là một nghề ngoài trình độ đào tạo đòi hỏi cần có phương pháp, kỹ năng và những trải nghiệm cần thiết.

Trong khi đó, với tính chất là đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ, các viện không được quyền chủ động trong việc thu hút và tuyển dụng các cán bộ, sinh viên xuất sắc từ bên ngoài vào làm việc tại viện, cũng như trong việc giữ lại một số chuyên gia đã đến tuổi nghỉ theo chế độ, tiếp tục tham gia các hoạt động nghiên cứu hay linh hoạt lưu chuyển cán bộ trong nội bộ viện cho phù hợp với trình độ và năng lực công tác của họ.

Việc tuyển dụng cán bộ thông thường được thực hiện dưới 2 hình thức, đó là thi tuyển và xét tuyển. Việc tuyển dụng thông qua hình thức thi tuyển trong nhiều năm gần đây ở nhiều viện chiến lược, chính sách vẫn còn mang tính hình thức, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu công việc. Các nội dung thi tuyển chưa phản ánh được khả năng, thái độ và năng lực cần thiết của cán bộ nghiên cứu tương lai (chưa nhận thức rõ ràng về yêu cầu năng lực và phẩm chất của cán bộ nghiên cứu, đánh đồng cán bộ nghiên cứu với cán bộ hành chính). Nhìn chung, các viện đều tổ chức thi tuyển theo số lượng cần tuyển và sau đó mới bố trí công việc. Hiện tượng sau khi cán bộ được tuyển dụng vào viện, làm việc một thời gian không thấy phù hợp với công việc nghiên cứu phải chuyển sang bộ phận khác hoặc cơ quan khác không phải là hiện tượng hiếm trong các viện này.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH THUỘC BỘ Ở VIỆT NAM

1. Giải pháp về tạo lập môi trường tự do, dân chủ cho nghiên cứu khoa học xã hội

Dự thảo Quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội hiện được Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ và Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam xây dựng. Trong Dự thảo có nhiều điểm mới như quy định về trường phái khoa học, quy định nhà khoa học được quyền trả lời công khai với chính cơ quan ngôn luận đã đăng bài phê bình công trình, ý kiến của mình; quy định về việc các nhà khoa học có ý kiến, kết quả nghiên cứu khác với quan điểm của Đảng và Nhà nước,... Quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học sẽ được Thủ tướng ký ban hành với mục tiêu mở rộng dân chủ, phát huy tự do sáng tạo để khai thác mọi tiềm năng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận để có nhiều công trình có giá trị, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ cá nhân và tập thể nhà khoa học¹⁰,...

Yêu cầu cần có một Quy chế dân chủ trong nghiên cứu KH&CN cũng được khẳng định trong một số văn bản quản lý ban hành thời gian gần đây như trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020¹¹ “*Ban hành và thực thi quy chế dân chủ trong hoạt động KH&CN, đặc biệt trong khoa học xã hội và nhân văn nhằm phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của các nhà khoa học trong hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội*”.

Giải pháp đề xuất này được xem xét trên những luận cứ quan trọng sau:

1.1. Về mặt lý luận

Sứ mệnh hàng đầu của các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ là nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định quản lý của Bộ, do vậy trong các tổ chức này rất cần có những nhà khoa học có trình độ, tâm huyết, dám nói, dám đề xuất các ý kiến đã được nghiên cứu trung thực, khách quan với các cấp quản lý có thẩm quyền. Bên cạnh đó, do đặc thù về tổ chức các cơ quan nghiên cứu tư vấn chính sách, để không trở thành các *tổ chức nghiên cứu minh họa* thì Nhà nước cần sớm ban hành

¹⁰ Trong Nghị định số 201/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/12/2004 về ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn đã khẳng định nguyên tắc đầu tiên trong hoạt động quản lý hoạt động khoa học xã hội là “*Tôn trọng và bảo đảm quyền dân chủ, phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học xã hội*”.

¹¹ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020.

Quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học nhằm tạo cơ sở pháp lý giúp cho các nhà khoa học tích cực tham gia được nhiều ý kiến có giá trị trên tinh thần xây dựng, đề xuất được nhiều phương án chính sách để lựa chọn, phát huy được trí tuệ tập thể, đồng thời cũng là góp phần tạo động lực phát triển khoa học từ cơ chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học.

Một trong các đặc điểm của trí thức (các chuyên gia, các nhà khoa học) là năng lực tư duy độc lập và trong đó có cả những tư duy, quan điểm vượt trước so với tư duy chung phổ biến trong xã hội. Chính nhờ có tư duy độc lập, không bị chi phối hay ảnh hưởng bởi hệ tư tưởng, thiết chế xã hội mà có tư duy vượt trước thời đại mà họ đang sống. Trên thế giới, các đảng cầm quyền luôn cần sử dụng những tư duy vượt trước của trí thức để thúc đẩy xã hội và cộng đồng phát triển. Với những trí thức có chính kiến, có tư duy độc lập, sáng tạo, vượt thời đại họ rất cần một môi trường tự do, dân chủ để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học.

Có thể tìm thấy rất nhiều các ví dụ minh họa từ câu chuyện dẫn thân của các nhà khoa học không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới về việc cần thiết phải có một môi trường tự do, dân chủ, không định kiến trong hoạt động khoa học.

1.2. Từ kinh nghiệm quốc tế

Xem xét lịch sử hình thành và phát triển các Think Tank trên thế giới cho thấy sự ra đời và phát triển của các Think Tank gắn liền với xu hướng tự do hóa, dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội, với tinh thần trọng thị, lắng nghe các ý kiến được nghiên cứu, phân tích độc lập, khách quan của các nhà khoa học từ các nhà lãnh đạo cao nhất quốc gia,...

Theo tinh thần đó, ở hầu hết các quốc gia phát triển, trong cấu trúc xây dựng chính sách, những thành tố sau là không thể thiếu:

- Lực lượng nghiên cứu chính sách chuyên nghiệp (các Think Tank) của Chính phủ;
- Các Think Tank của xã hội dân sự (các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu chính sách tư nhân, các nhóm xã hội,...);
- Các Think Tank địa phương.

Với cấu trúc tổ chức hệ thống Think Tank như vậy, một mặt, các Think Tank dù là của Chính phủ hay của tư nhân đều hoạt động trong môi trường vừa hợp tác, vừa cạnh tranh để có thể đề xuất các chính sách khách quan, toàn diện làm cơ sở cho các cơ quan quản lý ban hành quyết định quản lý; mặt khác, với tư cách là người sử dụng các kết quả nghiên cứu, tư vấn chính

sách đó, Chính phủ các nước có nhiều phương án chính sách để lựa chọn một phương án phù hợp nhất với nhu cầu quản lý.

1.3. Hạn chế những bất cập trong mô hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ

Nhiệm vụ chính trị của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ là cung cấp cơ sở khoa học phục vụ xây dựng chính sách quản lý, trong đó bao gồm cả việc phát hiện, đề xuất những vấn đề mới nảy sinh trong công tác quản lý của ngành, do vậy, rất cần phát huy dân chủ, sự tự do tư tưởng để xuất các ý kiến, phương án để so sánh lựa chọn, được quyền bảo lưu các ý kiến trái chiều vì bản chất khoa học chính sách là khoa học xã hội, có những vấn đề mới, có tính đột phá cần có sự đảm bảo và tôn trọng, tránh xu hướng "hình sự hóa" [1] hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong những năm gần đây, các công trình nghiên cứu về khoa học xã hội của Việt Nam rất nhiều. Tuy nhiên, ít có công trình nào mang tính đột phá, mở đường cho chỉ đạo hoạt động thực tiễn, các công trình nghiên cứu đó mang nặng tính minh họa hơn là đi trước mở đường, bởi vì quan niệm "không đụng chạm", "yên phận" đã giết chết sáng tạo, quan niệm khi nói trái, làm trái với vấn đề đã xác định (có thể là nghị quyết, đường lối, hay có thể là ý kiến của một vài lãnh đạo cấp cao,...) là phản động đã dẫn đến bó hẹp tư duy sáng tạo trong đội ngũ chuyên gia, các nhà nghiên cứu, tư vấn chính sách.

Một số nhà khoa học thực sự có tài trong hệ thống các viện nghiên cứu nhà nước ("think tank" quốc doanh) trong lĩnh vực khoa học xã hội cũng vì những ràng buộc về mặt tư tưởng, vì sợ bị chụp mũ là phản động, lệch lạc, suy thoái mà nhiều khi không thể nói thật những điều họ nghiên cứu. Trí thức phải có môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp, tự do học thuật để tranh luận thẳng thắn, các ý tưởng có thể cọ xát với nhau thì mới có thể tới gần chân lý. Việc mời một vài chuyên gia, dù giỏi để làm việc theo kiểu "hiển kế" cho các nhà lãnh đạo bảo thủ như mô hình hiện nay rõ ràng không hiệu quả vì có nghe hay không phụ thuộc rất lớn vào ý muốn chủ quan của một vài lãnh đạo và liệu ý kiến tư vấn đó có tốt hay không cũng khó đánh giá do không được công khai tranh luận.

2. Giải pháp về cơ chế giao nhiệm vụ nghiên cứu về chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước đối với các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ

Nhóm giải pháp này cần thực hiện đồng bộ 3 nội dung chủ yếu sau:

- Giao đúng việc cho các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ là thực hiện các nghiên cứu nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định cơ chế, chiến lược, chính sách quản lý vĩ mô của ngành;

- Giới hạn phạm vi hoạt động nghiên cứu, đề xuất các nội dung chính sách phục vụ công tác quản lý ở các viện loại này là đề xuất nội dung chính sách dưới các hình thức báo cáo phân tích chính sách, báo cáo khuyến nghị hoặc đề xuất chính sách, phản biện chính sách,... Các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách không tiếp tục trực tiếp chủ trì soạn thảo các văn bản chính sách quản lý, công việc thuộc nhiệm vụ của các vụ chức năng trong Bộ;
- Có sự đảm bảo về các điều kiện đầu vào như thời gian, tài chính và thông tin để các viện chiến lược, chính sách thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển ngành.

Giải pháp đề xuất này được xem xét trên những luận cứ quan trọng sau:

2.1. Về mặt lý luận

Từ nhu cầu cần có một tổ chức nghiên cứu cung cấp các luận cứ khoa học cho các quyết định quản lý của Bộ, nên các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ đã được thành lập ở hầu hết các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Sự tồn tại của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý Nhà nước ở các Bộ với các đặc thù như: (1) Về tính chất nhiệm vụ nghiên cứu là phi lợi nhuận, kết quả nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định cơ chế, chiến lược, chính sách quản lý ngành; (2) Đối tượng phục vụ chỉ là Nhà nước (mà trực tiếp là Bộ chủ quản), các viện không có nguồn thu từ sản xuất, dịch vụ; (3) Kết quả hay sản phẩm nghiên cứu có tác động trực tiếp tới hoạt động quản lý của ngành, quốc gia. Những đặc thù này cũng là cơ sở phân biệt hoạt động nghiên cứu ở các viện chiến lược, chính sách với các tổ chức nghiên cứu hàn lâm hay các trường đại học.

Thực hiện việc đổi mới đồng bộ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Bộ theo tinh thần của Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 26/02/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ cũng như Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của mỗi Bộ, theo đó tại mỗi Bộ có sự phân biệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các khối cơ quan trực thuộc đó là cơ quan tham mưu phục vụ quản lý và các tổ chức sự nghiệp, trong đó có tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước của ngành.

2.2. Từ kinh nghiệm quốc tế

Think Tank không phải là tổ chức nghiên cứu hàn lâm (academic), mục tiêu hoạt động của mỗi Think Tank dù ở quy mô nào (quốc gia, doanh nghiệp, địa phương) cũng như thuộc hình thức sở hữu nào (nhà nước, tư nhân, hỗn

hợp) cũng đều hướng tới việc làm sao để các kết quả nghiên cứu của mình được cơ quan hoạch định chính sách chấp thuận và được thể chế dưới dạng các văn kiện chính sách.

Think Tank không nghiên cứu các vấn đề thuần túy học thuật mà nghiên cứu để đề xuất các giải pháp, chính sách có tính khả thi nhằm góp phần thay đổi một hiện trạng xã hội nào đó trong một thời kỳ lịch sử nhất định. Các kết quả nghiên cứu của Think Tank thông thường được công bố dưới dạng các báo cáo chính sách được gửi tới Chính phủ hoặc trên các phương tiện truyền thông cũng như các hình thức trao đổi thông tin khác nhằm định hướng tranh luận cũng như tranh thủ sự ủng hộ của công chúng và sự chú ý của lãnh đạo quốc gia.

Các Think Tank không trực tiếp dự thảo văn kiện chính sách, vai trò của Think Tank trong quá trình xây dựng chính sách là dựa trên những kết quả nghiên cứu được tiến hành nghiêm túc, khách quan trước đó để đưa ra các đánh giá, phản biện chính sách hiện hành đồng thời đề xuất các gợi ý chính sách được cho là có lợi cho sự phát triển đất nước mà Chính phủ nên làm. Những kết quả nghiên cứu này có thể trùng, nhưng cũng có thể hoàn toàn khác với ý đồ của người đặt hàng (nhà quản lý).

2.3. Từ bất cập trong mô hình tổ chức và hoạt động của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý Nhà nước trực thuộc Bộ

Từ kết quả nghiên cứu tại phần 2, có thể thấy, các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách đang thực hiện đồng thời khá nhiều nhiệm vụ bên cạnh việc nghiên cứu chiến lược, cơ chế, chính sách phục vụ quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể nhiều viện còn thực hiện nhiệm vụ đào tạo sau đại học; quản lý hoạt động KH&CN của Bộ; cung cấp các dịch vụ công theo quy định của pháp luật; phát triển quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hoạt động của ngành,... Với phổ chức năng này, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động nghiên cứu và tư vấn chính sách, đến tính chuyên nghiệp của các viện, đặc biệt trong điều kiện vấn đề về nhân lực và tài chính của các viện nghiên cứu vừa yếu, vừa thiếu như hiện nay.

Đối với nhiệm vụ nghiên cứu và đề xuất chính sách phục vụ quản lý của Bộ cũng không có quy định rõ ràng vai trò của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách được quyền thực hiện đến đâu? nghiên cứu và đề xuất chính sách hay trực tiếp tham gia soạn thảo dự thảo văn bản chính sách để trình các cấp có thẩm quyền ký ban hành? Cần lưu ý là hoạt động nghiên cứu, tư vấn chính sách và soạn thảo văn bản chính sách có sự khác biệt rất lớn về tính chất công việc, về chủ thể tiến hành, về phương thức cũng như quy trình thực hiện. Việc các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách tiếp tục chủ trì soạn thảo các văn bản chính sách quản lý sẽ làm sao lãng nhiệm vụ chính là nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định quản lý.

3. Giải pháp về cơ chế chỉ đạo, phối hợp và hợp tác trong tổ chức hoạt động nghiên cứu đề xuất chính sách phục vụ quản lý nhà nước

3.1. Tăng cường sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo Bộ, đặc biệt là Bộ trưởng giúp các viện chiến lược, chính sách nắm bắt yêu cầu, nhiệm vụ quản lý vĩ mô của ngành, những khó khăn, nhiệm vụ cần phải giải quyết.

Bộ chủ quản cần phát huy vai trò hướng dẫn, chỉ đạo thường xuyên đối với hoạt động của các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ, quyết định những vấn đề mang tính định hướng trong hoạt động chuyên môn của tổ chức. Cụ thể, đề nghị Bộ trưởng có các cuộc tiếp xúc thường xuyên với các viện chiến lược, chính sách trực thuộc theo từng quý. Sự tiếp xúc thường xuyên với Lãnh đạo Bộ và các vụ chức năng, *một mặt*, giúp các viện nắm bắt được các định hướng, chủ trương cần cụ thể hóa, các nhiệm vụ lớn của ngành, các yêu cầu quản lý của ngành để từ đó đề xuất các nghiên cứu hỗ trợ hoạch định chính sách quản lý đúng hướng; *mặt khác*, giúp nhanh chóng/kip thời có định hướng giải quyết các đề xuất chính sách có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Đây là lý do các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách đề nghị được tiếp xúc với lãnh đạo Bộ đặc biệt là Bộ trưởng thường xuyên hơn¹².

Giải pháp đề xuất này được xem xét trên những luận cứ quan trọng sau:

a) Về mặt lý luận

Nhiệm vụ nghiên cứu của các viện chiến lược, chính sách nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chính sách phục vụ quản lý ngành mà Bộ đó được giao phụ trách. Không phải ngẫu nhiên, mà trên thực tế ở hầu hết các Bộ, Bộ trưởng là người trực tiếp phụ trách viện nghiên cứu chiến lược, chính sách của ngành.

Do tính chất đa ngành, đan xen của các chính sách quản lý sẽ được ban hành cần có sự chỉ đạo, chủ kiến của lãnh đạo Bộ ngay trong quá trình hình thành nội dung chính sách. Bộ trưởng là tác nhân quan trọng trong quá trình chuyển từ kết quả nghiên cứu thành văn bản chính sách (cơ sở khoa học, ý chí lãnh đạo và sự đồng thuận của xã hội). Tính khách quan, khoa học của những kết quả nghiên cứu được chuyển tải thành các quyết sách quan trọng của quốc gia phụ thuộc vào nhận thức của Bộ trưởng, vào quyết tâm cũng như bản lĩnh chính trị của người được giao quản lý nhà nước đối với ngành,

¹² Kinh nghiệm thực tiễn từ Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước, Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, Viện Chiến lược Chính sách Y tế..., sơ kết 6 tháng hay tổng kết Bộ trưởng đến dự và cho ý kiến chỉ đạo hoạt động và phương hướng phát triển Viện.

lĩnh vực¹³. Trên thực tế, rất khó bình luận hay đánh giá về tác động của nghiên cứu khoa học đến các nội dung chính sách bởi cơ sở khoa học chỉ là một khía cạnh khi ban hành các quyết sách. Các khía cạnh kinh tế, tư tưởng hoặc đạo lý đôi khi có thể còn được coi là quan trọng hơn và trong trường hợp này chủ kiến của nhà quản lý hay lãnh đạo cấp cao đóng vai trò quyết định trong việc lựa chọn hay bỏ qua yếu tố nào đó trong quá trình hình thành chính sách [18].

Kinh nghiệm thành công của một số viện nghiên cứu chiến lược, chính sách đã khẳng định vai trò của Bộ trưởng trong chỉ đạo các hướng nghiên cứu chuyên sâu, trong các quan hệ hợp tác, phối hợp với các đơn vị chức năng trong Bộ nhằm hoàn thành chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn chính sách ở các viện loại này.

b) Từ kinh nghiệm quốc tế

Nhận thức từ lãnh đạo cấp cao thường xuyên tham vấn ý kiến đánh giá của các nhóm chuyên gia trong quá trình hoạch định chính sách. Nghiên cứu khoa học phục vụ hoạch định chính sách là nhu cầu tất yếu của mọi quốc gia trên thế giới (*Ở Mỹ: mọi quyết sách lớn của đất nước phải dựa vào nghiên cứu đi trước của giới khoa học; ở Trung Quốc: chủ trương khoa học hóa quyết sách*).

Ở Trung Quốc, từ những thập niên 80 của Thế kỷ 20, lực lượng chuyên gia tư vấn chiến lược của nước này đã đóng vai trò quyết định trong việc phát triển của quốc gia, giúp lãnh đạo nước này chuyển từ kiểu tư duy kế hoạch sang tư duy chiến lược, chuyển từ lãnh đạo duy ý chí sang thời kỳ kết hợp giữa “*lãnh đạo*” và “*trí tuệ*”. Như vậy, các chuyên gia tư vấn chiến lược có vai trò then chốt của quá trình hoạch định chính sách nên giữa các chính trị gia, giới lãnh đạo và lực lượng này luôn có mối quan hệ chặt chẽ. Đội ngũ các chuyên gia thuộc các nhóm cố vấn thường được mời định kỳ tới các cuộc tham vấn cấp cao, cùng với các chuyên gia trong lĩnh vực chính trị và quan chức Chính phủ.

Ở Mỹ, từ năm 1980 tới nay, số lượng Think Tank đã tăng gấp đôi, riêng tại Washington D.C đã có trụ sở của gần 400 Think Tank. Từ thập niên 70 trở đi, không chính khách nào có ý định làm chủ Nhà Trắng mà không nhờ một Think Tank làm tư vấn, hoạch định chính sách tranh cử tổng thống. Vì vậy, sau khi tân Tổng thống nhậm chức, không ít chuyên gia của Think Tank đó được giao các trọng trách trong bộ máy Chính phủ mới. Khi Tổng thống hết nhiệm kỳ, họ lại trở về Think Tank cũ làm việc. Vì thế các Think Tank

¹³ Một số viện chiến lược, chính sách cho rằng Bộ trưởng có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình chuyển từ kết quả nghiên cứu mới, có tính đột phá thành văn bản chính sách.

nghiêm nhiên trở thành nơi tập hợp nhân tài, chính khách, các chính trị gia có uy tín của quốc gia.

c) Từ những bất cập trong mô hình tổ chức và hoạt động của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Bộ

Đặc trưng của mô hình tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ là có sự kết nối, sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý, cụ thể là với lãnh đạo Bộ và với các đơn vị chức năng trong Bộ. Các mối liên hệ này có tính chất cơ bản, phản ánh sứ mệnh, nhiệm vụ mà tổ chức đó đảm nhiệm, đồng thời, đây cũng là cơ sở để phân biệt với các tổ chức khác khi cùng thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Tuy nhiên, hiện tại các mối quan hệ hợp tác này chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Biểu hiện của mối quan hệ hợp tác không hiệu quả này là khả năng đáp ứng nhu cầu của các cơ quan quản lý, cơ quan hoạch định chính sách chưa cao, còn xảy ra tình trạng lãng phí nguồn lực ở nhiều cơ quan nghiên cứu, hoặc nghiên cứu những vấn đề không có giá trị thực tiễn, hoặc chưa chuyển đổi các kết quả nghiên cứu dưới dạng đáp ứng nhu cầu sử dụng của các nhà hoạch định chính sách. Vẫn có hiện tượng khi các bộ, ngành không cần ý kiến tư vấn chính sách thì các cơ quan thực hiện nghiên cứu rất công phu, ngược lại có lúc các bộ, ngành cần ý kiến tư vấn thì các viện lại không đáp ứng được.

3.2. Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các vụ chức năng, các cục, tổng cục, các viện nghiên cứu chuyên ngành khác trong Bộ nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin, hoạt động tác nghiệp từ hoạt động quản lý hàng ngày mà các đơn vị này phải giải quyết. Về phía viện chiến lược, chính sách cần tích cực và chủ động phối hợp với các đơn vị trong Bộ, đồng thời bám sát vào công việc chỉ đạo và điều hành của Lãnh đạo Bộ.

Để có thể chủ động nghiên cứu, đề xuất những vấn đề phát sinh trong thực tiễn liên quan đến công tác quản lý nhà nước của Bộ, các viện chiến lược, chính sách cần chủ động bám sát và hỗ trợ công việc của các vụ chức năng trong Bộ, đưa ra những đề xuất chính sách có cơ sở khoa học và tính khả thi cao.

Giải pháp đề xuất này được xem xét trên những luận cứ quan trọng sau:

a) Về mặt lý luận

Các viện chiến lược, chính sách là tổ chức sự nghiệp nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ, có nhiệm vụ nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định quản lý của Bộ, nên bên cạnh sự chỉ đạo thường xuyên của Lãnh đạo Bộ, hoạt động nghiên cứu ở các viện chiến lược, chính sách còn

có đặc trưng là có sự gắn bó chặt chẽ với các vụ, các đơn vị chức năng trong Bộ. Trong mối quan hệ này các vụ, các đơn vị chức năng trong Bộ là đối tượng, là khách hàng mà các viện cần hướng tới, hay nói cách khác, nhiệm vụ nghiên cứu của các viện phải được hình thành và hướng tới việc giải quyết các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực mà các đơn vị chức năng trong Bộ đang thực hiện.

Từ kết quả nghiên cứu, các viện chiến lược, chính sách sẽ cung cấp cho những nhà hoạch định chính sách những thông tin đầy đủ, làm cơ sở ban hành chính sách quản lý phù hợp. Do vậy, các viện chiến lược, chính sách cần chủ động phối hợp với các vụ chức năng, các cơ quan nghiên cứu trong Bộ để ghi nhận kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong thực tế quản lý của ngành.

Trong một số tài liệu nghiên cứu về khoa học chính sách [18] đã khẳng định, trong mối quan hệ giữa các nhà nghiên cứu chính sách và hoạch định chính sách luôn luôn tồn tại một trở ngại, đó là: (1) Làm thế nào để các nhà hoạch định chính sách có thể sử dụng một cách tốt nhất các kết quả nghiên cứu vào quá trình xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng; và (2) Làm thế nào để các nhà nghiên cứu có thể sử dụng một cách tốt nhất các kết quả nghiên cứu của mình để tác động đến quá trình hoạch định chính sách. Các quốc gia thành công nhờ có các chính sách quản lý phù hợp cũng chính là các quốc gia giải quyết thành công bất cập này.

b) Từ kinh nghiệm quốc tế

Từ kinh nghiệm của Trung Quốc: các tổ chức nghiên cứu tư vấn thuộc Chính phủ được hưởng nhiều ưu đãi so với các đồng nghiệp khác của họ. Vị trí đặc biệt trong cấu trúc nền hành chính quốc gia cho phép họ được tiếp cận với các nguồn tin có tính bảo mật cao hơn. Gần với trung tâm quyền lực, họ cũng có nhiều kênh hơn để trình các khuyến nghị chính sách của mình đến cấp Bộ hoặc Chính phủ. Vì những lý do trên, các tổ chức nghiên cứu tư vấn Chính phủ vẫn là các tổ chức có ảnh hưởng nhiều nhất đến nội dung chính sách vĩ mô trong giới Think Tank tại Trung Quốc.

Các Think Tank Trung Quốc thường sử dụng 2 kênh chính để chuyển tải kết quả nghiên cứu tới các cấp có thẩm quyền hoạch định chính sách. Thứ nhất, họ gửi trực tiếp các báo cáo nghiên cứu thể hiện quan điểm của mình qua văn phòng chính thức, bởi mỗi tổ chức nghiên cứu, tư vấn thuộc Chính phủ đều có một kênh riêng để trình các báo cáo nghiên cứu nội bộ cho các lãnh đạo thông qua thư ký của lãnh đạo hoặc qua Ban đối ngoại Trung ương Đảng. Thứ hai, họ cũng có thể sử dụng các cuộc tiếp xúc không chính thức và mạng lưới quan hệ cá nhân của mình. Lãnh đạo các tổ chức nghiên cứu hoặc một số chuyên gia uy tín có thể có các quan hệ cá nhân và trực tiếp với những người ra quyết sách cấp cao nhất của nhà nước. Mối quan hệ

"không chính thức" này đôi khi lại là một yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến nội dung văn bản chính sách được ban hành.

c) Từ những bất cập trong mô hình tổ chức và hoạt động của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Bộ

Những hạn chế, khó khăn trong quan hệ hợp tác của viện nghiên cứu chiến lược, chính sách với các đơn vị trong cùng Bộ đã được phân tích tại mục II.2.2 trên đây.

3.3. Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các viện chiến lược, chính sách thuộc các Bộ ngành và với các viện nghiên cứu hàn lâm, các trường đại học về khoa học xã hội nhằm kế thừa các kết quả nghiên cứu phục vụ chính sách ở các viện loại này.

Hình thành mạng lưới các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, đề xuất chính sách một cách hiệu quả.

Giải pháp đề xuất này được xem xét trên những luận cứ quan trọng sau:

a) Về mặt lý luận

Sự ra đời của bộ môn khoa học tư vấn ra quyết định và hoạch định chính sách tại các quốc gia phương Tây với các tên gọi khác nhau như: khoa học mềm, nghiên cứu chính sách, phân tích chính sách, ứng dụng phân tích hệ thống, nghiên cứu kỹ thuật xã hội,... là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành, có sự giao thoa của các khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật, toán học và triết học, mang tính ứng dụng hoàn toàn mới và lần đầu tiên hai khái niệm "chính sách" và "khoa học" được hợp nhất với nhau. Sự xuất hiện của các bộ môn phương pháp luận như phân tích hệ thống, vận trù học,... từ những phương pháp nghiên cứu này tạo điều kiện thuận lợi để khoa học mềm có những đột phá mới khi nghiên cứu các vấn đề thực tế [6].

Sự phân chia ranh giới quản lý nhà nước giữa các ngành trong nền kinh tế quốc dân chỉ là tương đối, khó có thể xây dựng chính sách phát triển một ngành nào đó biệt lập, không có sự liên quan đến các ngành khác. Là tổ chức nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ cung cấp luận cứ khoa học cho các chính sách quản lý của Bộ, mỗi viện chiến lược, chính sách cần chú trọng mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đơn vị có cùng chức năng ở các Bộ, ngành khác nhau.

b) Từ kinh nghiệm quốc tế

Hệ thống Think Tank ở Mỹ do nhà nước và tư nhân cùng tài trợ, chủ yếu nghiên cứu đưa ra quan điểm về các vấn đề có tính thời sự, hình thành các

giải pháp chính sách có tính khả thi nhằm giải quyết những vấn đề trước mắt hoặc tương lai.

Là khâu then chốt không thể thiếu trong quy trình hoạch định chính sách, nước Mỹ rất coi trọng vai trò của các tổ chức tham mưu, tư vấn chính sách trong xây dựng quân đội và phát triển tiềm lực quân sự quốc gia.

c) Từ những bất cập trong mô hình tổ chức và hoạt động của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Bộ

Những hạn chế, khó khăn trong quan hệ hợp tác giữa các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách với các viện nghiên cứu, trung tâm và trường đại học ở các bộ, ngành khác đã được phân tích tại mục II.2.2. trên đây

4. Giải pháp về tính tự chủ về tổ chức và nhân lực đối với các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách trực thuộc Bộ

Tự chủ về tổ chức: các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách được quyền chủ động hơn trong tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và chịu trách nhiệm pháp lý đầy đủ về những cam kết của mình trước cơ quan quản lý (Bộ chủ quản chỉ giữ vai trò hướng dẫn, chỉ đạo); có quyền chủ động tổ chức, sắp xếp lại cơ cấu các phòng, ban chuyên môn dưới cả hình thức cứng (phòng, ban nghiên cứu) hoặc dưới hình thức mềm (các nhóm nghiên cứu, nhóm chuyên gia) nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp trên giao.

Tự chủ về nhân lực: căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách được quyền chủ động trong tuyển dụng, sử dụng nhân sự phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Việc tuyển chọn nhân sự ở các viện loại này cần đổi mới theo hướng tuyển đúng số lượng và chất lượng cần thiết. Trong khi tổ chức thi tuyển cần xác định rõ và cụ thể những yêu cầu về chuyên môn, kỹ năng và đạo đức của các vị trí cần tuyển chọn. Mạnh dạn áp dụng hình thức xét tuyển cán bộ nghiên cứu thay thế hình thức thi tuyển phù hợp với yêu cầu và tính chất, đặc thù công việc ở các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước. Đồng thời mở rộng mạng lưới chuyên gia, cộng tác viên hay sự tham gia của các cán bộ làm công tác quản lý cùng tham gia hoạt động nghiên cứu, đề xuất chính sách.

Bên cạnh đó, cần có chương trình đào tạo đội ngũ chuyên gia nghiên cứu, tư vấn chính sách như một nghề trong hệ thống các trường đại học trong cả nước. Đội ngũ cán bộ, chuyên gia tư vấn chiến lược tương lai của đất nước cần có tri thức phong phú, khả năng tư duy, phân tích, phản biện ở trình độ quốc tế.

4.1. Về mặt lý luận

Hoạt động nghiên cứu, đề xuất cơ sở khoa học hoạch định chính sách đòi hỏi tập hợp được nguồn nhân lực có trình độ, trong cuốn *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975 - 1989* của Đặng Phong (2012) khẳng định, để hình thành được tư duy kinh tế theo đúng nghĩa của nó, cần nhiều điều kiện nhưng ít nhất phải có những yêu cầu sau: (1) Năng khiếu tư duy; (2) Thông tin làm chất liệu cho tư duy phát triển; (3) Sự tự do tư tưởng trong tư duy. Do đó, đội ngũ các chuyên gia tư vấn, tư duy chiến lược có vai trò hết sức quan trọng trong việc đưa ra các lý thuyết, sách lược, ý tưởng hay giải pháp có tính chất tư vấn, hiến kế cho lãnh đạo quốc gia.

Họ luôn nhạy cảm, có khả năng nhận biết và phát hiện ra những vấn đề mới của đời sống, đặt chúng trong hệ quy chiếu rộng lớn của đời sống xã hội, từ đó đánh giá những tác động lợi - hại của chúng đối với lợi ích trước mắt và lâu dài của cộng đồng. Việc phân tích đó giúp hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề ra các chính sách, lựa chọn phương án thích hợp cho sự can thiệp của nhà nước vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đánh giá những ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội; hoặc đưa ra những khuyến nghị để điều chỉnh, hoàn thiện chính sách.

4.2. Từ kinh nghiệm quốc tế

Nghĩa gốc của từ Think Tank là nơi tập hợp các lực lượng chất xám tinh hoa của quốc gia trong một lĩnh vực, chuyên ngành. Trên thực tế, Think Tank ở Mỹ là nơi tập hợp các nhân tài, chính khách và chính trị gia, ngay cả Think Tank quân sự tuy thuộc Bộ Quốc phòng Mỹ nhưng đội ngũ nghiên cứu của họ lại là các quan chức cấp cao của Chính phủ đã từ nhiệm bởi vì những người này có kinh nghiệm bản thân, có sự độc lập trong đề xuất chính sách và có uy tín.

Mỹ và Trung Quốc: các Think Tank là nơi tập hợp các nhân tài, chính khách và chính trị gia có uy tín của quốc gia. Thành công, uy tín của mỗi Think Tank luôn gắn với những tên tuổi, những con người cụ thể. Vai trò của người đứng đầu tổ chức được đặc biệt chú trọng bởi công việc là tư vấn chính sách cần am hiểu chuyên môn, có uy tín khoa học, có bản lĩnh chính trị (dám đề xuất chính sách mới dựa trên các kết quả nghiên cứu được tiến hành khách quan và độc lập trước đó), có khả năng tập hợp lực lượng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

Học tập kinh nghiệm luân chuyển các chuyên gia tới các vị trí lãnh đạo, quản lý ở các Think Tank của Mỹ và Trung Quốc, đặc biệt là ở Mỹ, có hiện tượng “*luân chuyển*” tức là các học giả có cơ hội để chuyển từ các tổ chức nghiên cứu sang làm quản lý, có thể sau một thời gian lại quay về làm học

giả. Nét đặc trưng làm tăng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu, phân tích chính sách [8].

4.3. Từ những bất cập trong mô hình tổ chức và hoạt động của các viện nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Bộ

Nghiên cứu chính sách là một nghề mà chưa được đào tạo chính thức ở Việt Nam, mặc dù manh nha đã có chuyên ngành gần là Chính sách công nhưng chưa đủ, bởi về số lượng cán bộ nghiên cứu không cần đông nhưng tính chuyên nghiệp phải cao, được tổ chức linh hoạt thành các nhóm nghiên cứu. Mỗi người ngoài trình độ chuyên môn, có năng lực tư duy tổng hợp còn cần am hiểu các vấn đề về quản lý nhà nước của ngành mà điều này cần phải qua thực tiễn, có những trải nghiệm nhất định và cuối cùng là cần có bản lĩnh của người tư vấn, để đạt chính sách với thủ trưởng trực tiếp¹⁴.

Năng lực và chất lượng cán bộ hiện là vấn đề lớn nhất đối với các viện nghiên cứu chiến lược, tình trạng chung là thiếu cán bộ đầu ngành, chuyên gia giỏi có thể đảm đương được các nhiệm vụ nghiên cứu độc lập. Định biên của các viện nghiên cứu loại này là hạn chế và để đáp ứng được yêu cầu công việc của lãnh đạo ngành giao cần phải thường xuyên tuyển dụng các nhà nghiên cứu giỏi. Bên cạnh đó, do việc đồng nhất cán bộ nghiên cứu với viên chức nghiên cứu, một số viện đã tuyển chọn cán bộ nghiên cứu mà chưa tính đến đặc thù công việc nghiên cứu, tư vấn chính sách, thực hiện giống tuyển chọn cán bộ thông thường, nhiều viện cũng chưa mạnh dạn áp dụng hình thức xét tuyển viên chức thay cho thi tuyển đã bộc lộ rất nhiều điểm hạn chế.

IV. KẾT LUẬN

Trong cấu trúc quy trình xây dựng chính sách, không thể thiếu được lực lượng nghiên cứu, tư vấn chính sách chuyên nghiệp - các Think Tank. Các Think Tank này khá đa dạng về hình thức sở hữu, bao gồm các tổ chức nghiên cứu, tư vấn chính sách của Chính phủ, các Think Tank của xã hội dân sự (chủ yếu là các tổ chức nghiên cứu tư nhân), các Think Tank địa phương, các trường đại học,... tất cả cùng tồn tại và hoạt động trong môi trường hợp tác và cạnh tranh nhằm đưa ra các kết quả nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách độc lập và khách quan, là cơ sở cho việc xây dựng và ban hành các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ.

Dù ở quốc gia phát triển như Mỹ hay Trung Quốc thì cùng đều thống nhất khi cho rằng ở quy mô quốc gia, hiệu quả hoạt động của các Think Tank

¹⁴ Chỉ thị số 242-CT ngày 17/9/1982 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về công tác và tổ chức của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

được thể hiện ở chỗ kết quả nghiên cứu, tư vấn hoặc phân biện chính sách của các tổ chức này phải trở thành một trong những căn cứ quan trọng giúp Chính phủ, các cơ quan quản lý thực thi một hành động hoặc không hành động nào đó tiếp sau.

Việt Nam đang hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thời cơ và thách thức, có sự đan xen giữa cái cũ và cái mới, thuận lợi và khó khăn, hợp tác và cạnh tranh, yếu tố truyền thống và hiện đại,... Trong bối cảnh đó, việc hoạch định chiến lược, chính sách phát triển của quốc gia, cũng như từng ngành có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Hơn bao giờ hết, việc khẳng định và đề cao vai trò của đội ngũ chuyên gia, các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách cũng đã được đặt ra. Để hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Bộ, thời gian tới cần thực hiện đồng thời 4 giải pháp như đã đề xuất và phân tích trên đây./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2012) *Nghiên cứu sắp xếp lại hệ thống các tổ chức nghiên cứu và đào tạo về khoa học xã hội*.
2. Viện Quản lý Kinh tế Trung ương. (2011) *Tiếp tục nâng cao năng lực bộ máy Chính phủ*. Báo cáo tóm tắt Đề án, Tài liệu Hội thảo ngày 29/4/2011 và ngày 13/6/2011.
3. Viện Chính sách và Quản lý, Đại học Khoa học và Xã hội Nhân văn Hà Nội. (2013) *Đánh giá hoạt động nghiên cứu đào tạo trong lĩnh vực chính sách tại Việt Nam - Một số thành tựu và triển vọng*. Kỷ yếu Hội thảo tại Hà Nội ngày 02/10/2013;
4. Bùi Thế Vĩnh. (1999) *Thiết kế tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước*. H.: NXB Chính trị Quốc gia.
5. Đinh Văn Ân. (2006) *Nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng chính sách kinh tế - những vấn đề đặt ra*. Tạp chí Hoạt động Khoa học, số tháng 9/2006.
6. Nguyễn Nghĩa. (2006) *Kinh nghiệm tư vấn khoa học ra quyết định và thực hiện nghiên cứu khoa học mềm trên thế giới và bài học rút ra đối với Việt Nam*. Nội san Nghiên cứu chính sách Khoa học và Công nghệ, NISTPASS, số 13, tr.57-65.
7. Đặng Kim Sơn. (2007) *Quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Úc và Newzealand*. Tạp chí Tia sáng, số ra ngày 26/5/2007.
8. Nguyễn Quang A. (IDS, 2009) *Các tổ chức nghiên cứu chính sách ở Trung Quốc*.
9. Nguyễn Quang Tuấn. (2009) *Sự tham gia của xã hội dân sự trong hoạch định và thực thi chính sách khoa học và công nghệ ở Việt Nam*. Báo cáo đề tài cơ sở (NISTPASS).
10. Nguyễn Hải Hoàn. *Tìm hiểu về Think Tank và Trung Quốc coi trọng phát triển hệ thống Think Tank*. Tạp chí Tia sáng, tháng 10/2010;

11. Nguyễn Lương Hải Khôi. (2010) *Xây dựng lực lượng Think Tank để phát triển*.
12. <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2010-10-19-xay-dung-luc-luong-think-tanks-de-phat-trien>
13. Nguyễn Quân. (2011) *Nghiên cứu, sắp xếp lại hệ thống các tổ chức nghiên cứu và đào tạo về khoa học xã hội*. Bộ Khoa học và Công nghệ, Báo cáo tổng hợp Nhiệm vụ cấp Nhà nước.
14. Trần Ngọc Ca. (2012) *Môi trường chính sách ở Việt Nam và công cụ báo cáo chính sách*. Báo cáo tham luận Hội thảo kết thúc dự án "Sự tham gia và vai trò của phụ nữ trong quản trị và hoạch định chính sách công nghệ ở Việt Nam", NISTPASS, tháng 8/2012.
15. Bạch Tân Sinh. (2012) *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện mối quan hệ giữa nghiên cứu và hoạch định chính sách KH&CN ở Việt Nam*. Báo cáo đề tài cơ sở (NISTPASS).
16. Đặng Phong. (2012) *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975 - 1989*. H.: NXB Tri thức.
17. Doãn Trung Tuấn. (2013) *Vai trò của đội ngũ chuyên gia tư vấn chiến lược đối với việc hoạch định chính sách quốc gia ở nước ta hiện nay*.

Tiếng Anh:

18. Helen Clayton and Faith Culshaw. (2012) *Science into Policy*. The National Environment Research Council.